

Người già ở An Điền và một số đặc điểm nhân khẩu - xã hội

NHÓM NGHIÊN CỨU VỀ NGƯỜI GIÀ Ở AN ĐIỀN*

1. DẪN LUẬN:

An Điền là thôn lớn nhất của xã Cộng Hòa, huyện Nam Thanh, Hải Hưng, nằm cách thị xã Hải Dương khoảng 10 km về phía đông bắc, có sông Kinh Thầy bọc ven. Các phân tích chỉ số kinh tế - xã hội ở đây cho thấy An Điền hội đủ những điều kiện để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học thăm dò về chủ đề "Người có lợi và hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn Bắc Bộ". Cuộc điều tra nhằm phát hiện những đặc trưng xã hội cơ bản nhất của người có tuổi ở nông thôn An Điền và mối tương quan giữa những đặc trưng đó với các yếu tố kinh tế - xã hội khác, từ đó xây dựng giả thuyết cho chương trình nghiên cứu chính thức.

Các mục tiêu của cuộc điều tra là phân tích những vấn đề sau:

a) Những đặc trưng dân số học và xã hội học của nhóm người già: cấu trúc lớp tuổi và giới tính; tỷ suất chết trên các nhóm và lớp tuổi; trạng thái sức khỏe và bệnh tật; địa vị kinh tế và nghề nghiệp; định hướng giá trị và tâm trạng.

b) Vai trò của người già trong gia đình, cộng đồng và xã hội ở nông thôn.

c) Hệ thống an sinh xã hội và tác động của hệ thống đó vào hoàn cảnh sống của người già.

Với tính chất của một cuộc nghiên cứu thử chúng tôi đã sử dụng tổng hợp các phương pháp: bảng hỏi, phỏng vấn sâu, phỏng vấn nhóm quan sát, thu thập số liệu thống kê.

Theo qui ước hiện nay thuộc vào lớp người già là các cụ từ 60 tuổi trở lên (cả nam lẫn nữ). Tuy nhiên, tính đến thực tế ở nông thôn miền Bắc là các cụ từ 50 tuổi trở lên đã được khao lên lão, chúng tôi có đưa vào mẫu nghiên cứu cả các cụ ở lứa tuổi từ 51 - 60 tuổi để so sánh.

Các đặc trưng nhân khẩu - xã hội cơ bản của người được phỏng vấn là như sau: (xem bảng 1- trang 16).

Là một cuộc khảo sát thăm dò, chúng tôi đã đề cập đến một phạm vi rộng rãi của vấn đề. Tuy nhiên bài viết này chỉ trình bày một số kết quả và nhận xét đã tương đối rõ, đồng thời gợi ra một vài khía cạnh đáng quan tâm đối với các nghiên cứu tiếp theo về vùng chủ đề này.

II. MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG DÂN SỐ HỌC VÀ XÃ HỘI HỌC CỦA NGƯỜI GIÀ Ở AN ĐIỀN.

1. Đặc trưng dân số học.

Do thiếu các số liệu thống kê cần thiết, chúng tôi đã lấy bảng kê khai dân số năm 1989 ở đội 6 - An Điền làm ví dụ để phân tích vị trí nhân khẩu học của người già ở An Điền. Có thể rút ra một số chỉ báo đáng quan tâm dưới đây.

Số người từ lứa tuổi 50 trở lên chiếm 11,4% trong tổng số, còn số người từ 60 tuổi trở lên chiếm 5,2%. Chỉ số này không khác biệt nhiều so với số liệu chung của toàn quốc theo kết quả điều tra dân số năm 1989.

Sự chênh lệch giữa 2 giới bắt đầu từ lứa tuổi 65 trở đi, điều này hoàn toàn phù hợp với các quy luật dân số,

*. Nguyễn Hữu Minh, Bùi Thế Cường, Nguyễn Phan Lâm, Đặng Vũ Hoa Thạch, Nguyễn Văn Tuấn.

với tuổi thọ bình quân của các cụ bà cao hơn các cụ ông.

Người già ở An Điền

16

Bảng 1: Đặc trưng nhân khẩu xã hội học của người được phỏng vấn

Giới tính	Người cao tuổi Số người điều tra 47		Trình độ văn hóa	Mức chữ	Thực tế hôn nhân	Còn đủ vợ chồng vẫn		Tình trạng sức khỏe (bệnh)	Nhóm I (1 bệnh)	Nhóm II (2 bệnh)	Nhóm III (3 bệnh)	Nhóm IV (Không bệnh)	%
	Nam	Nữ				%	%						
	16	31		21	44,7	26	55,3		26	55,3			
				Mức chữ tại	4	8,5	18	38,3		9	19,1		
				BDHV (Biết đọc, viết)	9	19,1	1	2,1		4	8,5		
				Cấp I	6	12,3	2	4,2					
				Cấp II	7	14,9							
Độ tuổi	51-60	2	4,2	Làm ruộng (LR)	38	78,7	1 lần	38	1	1	1	1	6,7
	61-70	29	61,7	LR - thoát ly (TL) - LR	7	14,9	2 lần	9	2	3	3	3	20,0
	71-80	11	23,4	LR - TL - Cán bộ tại xã	1	2,1	Nam	4		1	1	1	6,7
	81 trở lên	5	10,6	CB tại xã - Hưu - LR	1	2,1	Nữ	8		3	3	3	20,0
				LR - TL - Dịch vụ tại xã	1	2,1		66,7		2	2	2	13,3
					1	2,1				7	7	7	13,3

Chú giải: Số người thuộc diện chính sách:

- 1. Người có công với cách mạng (nuôi cán bộ, bộ đội...)
- 2. Người là thương binh
- 3. Người là bố (mẹ) liệt sĩ

- 4. Người là cán bộ hưu trí
- 5. Người có chồng là cán bộ hưu trí.
- 6. Người có quá, không nơi nương tựa.
- 7. Người cao tuổi được hợp tác xã trợ cấp lương thực.

2. Về các quan hệ trong gia đình:

Ở đây chúng tôi tập trung vào vấn đề thực trạng sống chung với con cháu hay sống riêng và nguyện vọng của các cụ.

Lâu nay các nghiên cứu về nông thôn vẫn tồn tại 2 loại ý kiến khác nhau về vấn đề này. Một loại ý kiến nhấn mạnh đến quá trình hạt nhân hóa từ xa xưa trong lịch sử Việt Nam, con cái lớn lên là cha mẹ cho ra ở riêng. Một loại ý kiến khác lại nhấn mạnh đến nhu cầu con cái, nhất là con trai trưởng phải sống chung với bố mẹ già, từ đó hình thành các mô hình gia đình "tam, tứ đại đồng đường" mà nhiều người coi là đặc trưng của gia đình Việt Nam truyền thống. Thực tế chúng tôi nhận thấy: trong số 47 cụ có 2 cụ sống trong gia đình 4 thế hệ, 21 cụ sống trong gia đình 3 thế hệ, 17 cụ sống trong gia đình 2 thế hệ, 5 cụ chỉ có 2 vợ chồng và 2 cụ độc thân. Như vậy, phải chăng ở An Điền các cụ có nhu cầu sống với con cái cao hơn? Tìm hiểu sâu thêm chúng tôi thấy rằng, hầu hết các cụ tuy ở chung với con cái song vẫn ăn riêng và hoạt động kinh tế riêng. Tính ra chỉ số 7 cụ bà là ăn chung với các con đã lập gia đình (chiếm 19%).

Các phỏng vấn sâu ở An Điền cho thấy, theo tập quán ở đây không nhất thiết các cụ phải ở với con trai cả hay con út mà tùy từng gia đình. Khi con cái xây dựng gia đình riêng thì có thể ở với bố mẹ một thời gian, vài tháng hoặc 1 năm sau đó ra ở riêng. Nói cách khác, tùy theo hoàn cảnh gia đình, điều kiện nhà ở rộng hay hẹp mà các gia đình quyết định một hình thức chung sống thích hợp. Xu hướng chung hiện nay là các cụ thích tách ra ở riêng để tránh va chạm. Xu hướng này mạnh dần lên sau khoán hộ. Các cụ ý thức rõ hơn và muốn chủ động hơn về các nhu cầu cá nhân, như tham gia hội họp, lễ hội chùa chiền, không muốn ở chung để vướng bận vào con cái. Phỏng vấn bằng bảng hỏi, chúng tôi thấy 40/47 cụ (85,1%) thích ở riêng, trong đó tỷ lệ các cụ ông là 93,7%, các cụ bà là 80,6%. 14,9% các cụ còn lại thích ở chung hầu hết rơi vào hoàn cảnh khó khăn: tuổi quá cao, nhiều bệnh tật, góa...

Đương nhiên ở đây việc ở chung hay ở riêng không có nhiều tác động nhiều đến việc duy trì các quan hệ gia đình truyền thống. Các con cái dù tách ra ở riêng, lần thường xuyên có mối quan hệ gắn bó với các cụ. Các kết quả điều tra cho thấy những người làm giúp ruộng khoán cho các cụ tuyệt đại đa số vẫn là con cái, hẳn hủu lắm mới có gia đình phải làm rẽ. Cũng chính những người con, cháu dù ở, ăn riêng vẫn thường xuyên chăm nom các cụ lúc ốm đau. Thực tế này xác nhận xu hướng hạt nhân hóa gia đình đang tăng lên ở nông thôn hiện nay và đặt ra những vấn đề mới cần quan tâm nghiên cứu trong các mối quan hệ gia đình giữa con cái với người già.

3. Định hướng giá trị và tâm trạng hàng ngày

a) Trong việc nghiên cứu định hướng giá trị của người già chúng tôi chú ý đến sự chuyển đổi hai định hướng giá trị cơ bản về gia đình đó là ý thức về tổ tiên và quan niệm về sinh con đẻ cái.

Một hiện tượng được nhiều nghiên cứu xã hội học xác nhận là gần đây, ở nhiều địa phương rõ lên vấn đề khôi phục các quan hệ thân tộc, họ hàng. Những người đi đầu trong các phong trào này chính là các cụ già. Không ít ý kiến đã qui trách nhiệm của việc khôi phục các quan hệ thân tộc ở nông thôn (mà theo các ý kiến này là đồng nghĩa với sự tiêu cực) cho khoán hộ. Thực tế ở An Điền cũng cho thấy có sự khôi phục các hình thức quan hệ họ hàng, thân tộc, chẳng hạn để tổ chức xây mộ tổ, lập gia phả... Ở một thôn khác cùng xã, thậm chí có một họ còn sắm bộ đồ phục vụ tang lễ, có các vật dụng cần thiết phục vụ cưới và tổ chức kinh doanh. Song đánh giá của các cụ về hiệu quả của các hình thức này ông rất chùng mực. Một trong các lý do chủ yếu của vấn đề này theo chúng tôi là vì hiện nay các cụ cảm thấy vai trò của mình trong cộng đồng và trong gia đình giảm bớt, thanh niên ít có sự tôn trọng các cụ, vì vậy các cụ muốn dùng gia phong để thiết lập lại. Đương nhiên hiện nay, nhiều cụ định hướng các hình thức này sang khía cạnh văn hóa và chấp nhận những cách thức ứng xử mới của thanh niên, tôn trọng sự tự quyết của con cái hơn.

Trong quan niệm về sinh đẻ, nhiều người thường cho rằng một trở ngại chủ yếu cho việc tuyên truyền giảm chuẩn mực sinh ở nông thôn là do các cụ còn bảo lưu quan niệm sinh đẻ truyền thống: "đông con lắm phúc", "mỗi con một lộc" ...Tuy nhiên ở An Điền, chính các cụ lại

có sự chuyển đổi ý thức rất sớm về vấn đề này. Khi được phỏng vấn sâu, nhiều cụ đã khẳng định sự cần thiết phải đẻ ít con và khuyên con cái kế hoạch hoá sinh đẻ vì địa phương ít đất, nhiều người. Đây là một yếu tố thuận lợi cho cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình ở An Điền hiện nay.

b) Tâm trạng hàng ngày: trong điều kiện kinh tế khó khăn, hệ thống bảo đảm xã hội vốn trước đây được bao cấp nay bị xóa bỏ, nhiều gánh nặng kinh tế - xã hội đặt lên vai gia đình và bản thân đã gây ra một trạng thái tâm lý không hài lòng ở các cụ. Số liệu khảo sát cho thấy, nhìn chung ở An Điền số lớn các cụ có tâm trạng buồn phiền, mệt mỏi, khó ngủ, lo lắng, bực dọc. Đối với các cụ ông tâm trạng này thường xuyên xảy ra hơn so với các cụ bà.

Chưa có số liệu đối sánh cụ thể để xác định các nguyên do trạng thái tâm lý của các cụ, song qua phỏng vấn sâu chúng tôi nhận thấy các tâm trạng này chủ yếu bị chi phối bởi đời sống kinh tế quá eo hẹp hàng ngày, bởi thái độ đối xử không thỏa đáng của con cái và cuối cùng là bởi tình trạng bệnh tật ở nhiều cụ. Đây cũng chính là những vấn đề đặt ra đối với hệ thống an sinh xã hội mà chúng tôi sẽ đề cập ở phần sau.

III. VAI TRÒ CỦA NGƯỜI GIÀ TRONG GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG.

1. Vai trò của người già trong gia đình.

a) *Vai trò kinh tế*: vai trò kinh tế của các cụ được thể hiện chủ yếu ở chỉ báo về mức độ quán xuyến kinh tế gia đình. Chỉ số chung cho thấy người già còn có vai trò kinh tế đáng kể trong gia đình ở nông thôn. Trong số 16 cụ ông được phỏng vấn có 8 cụ còn chỉ huy kinh tế gia đình và trong số 31 cụ bà có 14 cụ còn quán xuyến kinh tế gia đình. Khả năng quán xuyến này có giảm đi theo tuổi tác. Tuy vậy ở An Điền không có một thông lệ nào cho việc thay đổi quyền quản lý trong gia đình. Theo các cụ cho biết thì vấn đề này tùy thuộc vào kinh tế và hoàn cảnh của mỗi gia đình. Và mặc dù trong 22 cụ đang còn quản lý kinh tế gia đình, có 11 cụ cho rằng việc quán xuyến này quá mệt mỏi, nhiều khó khăn quá sức đối với các cụ song hầu hết các cụ đều chưa nghĩ đến thời hạn chuyển giao vai trò quản lý kinh tế gia đình cho con cái (18/22 cụ), dù là 3 - 5 năm hay lâu hơn. Lý do chủ yếu là các cụ chưa tin con cái đảm đương được. Một chỉ báo có thể minh họa thêm cho sự giải thích này là với 12 cụ còn phải chu cấp cho con về kinh tế thì con cái của các cụ hầu hết trong độ tuổi lao động (16-26 tuổi). Cũng phải tính đến một tâm lý: các cụ không muốn phụ thuộc con cái, vẫn muốn giữ vai trò xã hội trong cộng đồng, vai trò đó không thể tách rời vai trò kinh tế trong gia đình.

b) *Vai trò trong cuộc sống trong gia đình*: Tuy nhiều người già còn nắm giữ vai trò kinh tế chủ chốt trong gia đình song qua quan sát chúng tôi thấy quyền lực tuyệt đối của các cụ không còn được duy trì như trước. Quyền quyết định của bố mẹ già trong vấn đề kết hôn, vấn đề sinh con đẻ cái của các con đã giảm sút. Điều này cũng bộc lộ rõ qua sự than phiền của nhiều cụ cho rằng thanh niên hiện nay ít tôn trọng các cụ hơn so với 15 - 20 năm trước đây.

2. Vai trò trong cộng đồng.

Tuy những người cao tuổi vẫn được kính trọng trong cộng đồng song vai trò thực sự của các cụ hiện nay giảm nhiều so với trước đây. Ngay chức năng hòa giải cộng đồng làng xóm cũng không phát huy được nhiều hiệu quả. Việc tập trung các cụ vào Hội Bảo thọ nặng về khía cạnh chăm sóc, bảo trợ hơn là để phát huy vai trò của các cụ. Theo chúng tôi phong trào phục hồi các hình thức sinh hoạt giỗ tổ, tết thanh minh, khôi phục tộc họ, lập gia phả... là một cố gắng của các cụ tìm cách khẳng định lại vị trí của người cao tuổi trong xã hội nông thôn. Tuy nhiên cố gắng này hiện nay tỏ ra chưa thành công.

IV. NGƯỜI GIÀ VÀ HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI

1. Sự tập hợp người già vào tổ chức Bảo thọ ở An Điền:

Năm 1984 Hội thọ được hình thành theo đơn vị xã sau đó hình thành theo các cụm và theo thôn. Lúc đó tham gia vào hội là các cụ từ 51 tuổi trở lên và gửi vào 200 đồng để lập quỹ thăm hỏi khi ốm đau.

Năm 1989 các cụ ở An Điền tập hợp lại trong một hội Bảo thọ. Năm 1991 có 680 cụ sinh hoạt ở Hội. Các cụ được cấp 4 sào ruộng + 1 ao + 1 lò gạch để cố kinh phí hoạt động. Các hoạt động chủ yếu hiện nay ở hội Bảo thọ là: thăm hỏi khi ốm đau, phúng viếng lúc tang lễ,

tặng phẩm cho các cụ thượng thọ và tổ chức liên hoan cuối năm. Hiện nay hội Bảo thọ là tổ chức chủ yếu thu hút được tuyệt đại đa số các cụ ông cụ bà tham gia.

2. Điều kiện kinh tế của người già ở An Điền

Nguồn thu nhập chính thức của các cụ ở An Điền là từ ruộng khoán, chăn nuôi và làm vườn. Những cụ nào không còn trực tiếp làm việc được trên ruộng thì dựa vào sự giúp đỡ của con cái.

Nhìn chung, ngoài gia đình thì hợp tác xã là tổ chức đảm bảo nguồn thu nhập chính và ổn định nhất cho người già. Hàng năm hợp tác xã biểu hoặc bán cho mỗi cụ 20 kg thóc. Mỗi người về hưu (hết tuổi lao động) được hợp tác xã giao cho khoảng 1 sào ruộng đất canh tác có điều kiện trồng 2 vụ lúa, đất tốt, gàn. Ngoài ra hợp tác xã còn giúp đỡ thêm: được nhận 20 kg thóc dành cho giống, phân bón, thuốc trừ sâu, và 22 kg thóc dành cho sức kéo. Phần thu trên ruộng của các cụ có giảm bớt, tức là chỉ thu quỹ tu bổ trạm bơm, thanh toán hợp đồng nông giang và thủy lợi phí. Tính ra tổng thu trên 1 sào/vụ là khoảng 20 kg. Với sự giúp đỡ như vậy của hợp tác xã, mỗi cụ thu nhập bình quân một tháng 12 kg gạo, tạm đủ với người có tuổi (riêng lương thực).

Mô hình đảm bảo lãnh tế cho người già từ phía hợp tác xã tỏ ra có triển vọng. Tuy nhiên cũng có những khía cạnh cần quan tâm hơn, đó là hiện nay không phải người già nào cũng có thể trực tiếp phát huy được hiệu quả lao động trên ruộng khoán. Do vậy xảy ra tình trạng: nếu cho làm rẽ thì thu nhập giảm đi, nếu tự làm thì không phát huy hết năng suất đất đai. Ngoài ra sự giúp đỡ công lao động của con cái cũng hạn chế, nhất là trong điều kiện khoán hộ hiện nay. Kết quả khảo sát còn cho thấy chỉ có 3 cụ thường xuyên nhận được sự giúp đỡ bằng tiền do con cái gửi và cũng chỉ có 5 cụ thường xuyên nhận được quà biếu của con cái. Trong khi đó tìm hiểu 22 cụ còn quán xuyến gia đình thì 10 cụ đánh giá hoàn cảnh sống thiếu thốn hoặc rất thiếu thốn. Trong số 25 cụ không còn quán xuyến gia đình thì 19 cụ (76%) cho rằng không bảo đảm được đầy đủ nhu cầu thiết yếu.

So với chỉ số chung về chất lượng nhà ở của xã Cộng Hòa thì chất lượng nhà ở của các cụ ở An Điền có kém hơn. Tính ra vẫn còn 17% số cụ sống trong nhà tranh tre (8 cụ); 2,1% số cụ sống trong nhà xây lợp rạ. Đánh giá chung về nơi ở có 25 cụ (53,2%) cho diện tích đang ở là vừa phải và 19 cụ (40,4%) cho là chật chội so với người khác. Mặc dù vậy 39 cụ (82,9%) vẫn tỏ ra hài lòng hoặc rất hài lòng với nơi ở, chỉ có 8,5% không hài lòng. Điều này cho thấy nhu cầu hết sức tối thiểu của người già ở nông thôn hiện nay.

3. Tình trạng sức khỏe của người già và hệ thống y tế

Với độ tuổi các cụ thì sức khỏe kém là điều dễ hiểu. Trong số 47 cụ được phỏng vấn bằng bảng hỏi có 32 cụ (68%) đánh giá sức khỏe kém. Số cụ hiện có 1 bệnh là 26 (55,3%), 2 bệnh là 9 (19,1%), 3 bệnh là 4 (8,5%). Như vậy nhu cầu chữa bệnh của các cụ là khá cao (95,7% có nhu cầu chữa bệnh). Trong thực tế, nhu cầu này không hoàn toàn được đáp ứng ở An Điền. Chúng tôi nêu ra 2 chỉ báo đáng lưu ý: 36 cụ không thỏa mãn nhu cầu chữa bệnh vì không có tiền (76,6%), 4 cụ do không tự đi được vì cơ sở điều trị quá xa. Ở đây có thể thấy rõ sự tác động của việc xóa bao cấp về hệ thống y tế. Ở An Điền mỗi đội sản xuất có 1 y tế của trạm và ngoài ra có 6 y sĩ, y tá điều trị tư nhân. Y tá của đội sản xuất thì trình độ yếu, trang thiết bị y tế không đảm bảo. Các y sĩ tư nhân điều trị tốt hơn song tiền thu quá đắt. Chẳng hạn, theo chị Trạm trưởng y tế xã thì 1 ống thuốc theo giá hiện hành là 200 đ, nhưng có thầy thuốc tư nhân khi tiêm cho bệnh nhân đã tính 5.000 đ/mũi.

Chính vì vậy hiện nay các cụ đang có xu hướng quay về tìm sự giúp đỡ của gia đình khi ốm đau. Các chỉ báo cũng cho thấy rõ số người giúp đỡ thường xuyên các cụ khi đó là con, cháu, vợ chồng.

Tình trạng bệnh tật, sức khỏe kém đã làm hạn chế khả năng đi lại, giao tiếp của các cụ. Chỉ có 11 cụ (23,4%) có đi lại thăm viếng nhau trong xã; 2 cụ (4,2%) vượt ra phạm vi ngoài xã và 9 cụ (19,1%) có đi xa bằng tàu xe (số các cụ này chủ yếu ở độ tuổi 61-70 và là nam giới). Nhiều cụ khác chỉ đi lại quanh quẩn trong thôn và trong gia đình. Chính điều này ảnh hưởng rất nhiều đến việc thực hiện nhu cầu văn hóa của các cụ ở An Điền.

4. Thỏa mãn các nhu cầu văn hóa.

Do khả năng đi lại kém nên hình thức theo dõi thông tin chủ yếu của các cụ là *nghe đài*. Hình thức *xem ti vi* còn ít. Ngoài ra cũng thấy rõ là mức độ theo dõi thông tin của các cụ ông lớn hơn các cụ bà.

Các hình thức lễ, hội truyền thống được các cụ tham gia khá đông đảo. Với một số hình thức lễ, hội và hoạt động xã hội được nêu ra hỏi: lễ chùa, hội làng, giỗ tổ họ, tang ma trong thôn, tang ma trong họ, cưới trong họ, chúng tôi có mấy nhận xét sau về sự tham gia của các cụ.

- Hội làng: ít cụ tham gia, cổ lễ vì mới khôi phục, tuy nhiên theo chúng tôi sau này sẽ đông hơn.

- Lễ chùa: các cụ ông ít tham gia song các cụ bà hầu như đều tham gia. Theo các cụ bà chẳng qua đây là một dịp để đi chơi, ngắm cảnh, một hình thức sinh hoạt văn hoá của các cụ, không có tính chất mê tín.

- Các loại hình thức khác hầu như 100% các cụ đều tham gia chính trong những dịp đó các cụ có cơ hội khẳng định vai trò của mình.

Một khó khăn hiện nay trong tổ chức sinh hoạt văn hoá cho các cụ ở An Điền là thiếu cơ sở vật chất. Trước đây làng có đình, một nơi sinh hoạt chủ yếu trong truyền thống của các cụ ông song sau này bị phá trong khi không có cơ sở văn hóa tương xứng thay thế. Vì vậy hiện nay các cụ ông không có nơi sinh hoạt. Việc không thỏa mãn nhu cầu văn hóa cho các cụ chính là một nguyên nhân tác động đến tình trạng khôi phục đền thờ, miếu mạo ở An Điền hiện nay. Một hình thức sinh hoạt văn hoá được nhiều cụ ở An Điền hưởng ứng là việc tổ chức mừng thọ. Từ năm 1990 mỗi năm Hội Báo thọ tổ chức 2 đợt cấp giấy chứng nhận tuổi vàng (70 tuổi trở lên) và tuổi bạc (60-70 tuổi). Trong các buổi lễ có kết hợp tặng quà. Hình thức sinh hoạt này rất có ý nghĩa đối với các cụ, và như vậy các gia đình sẽ không tổ chức khao nữa.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

1. Có thể nêu ra mấy nhận xét chính sau :

- Người già hiện vẫn có vai trò kinh tế nhất định trong các gia đình nông thôn. Tuy nhiên, vai trò xã hội của người già đang giảm đi.

- Cùng với việc xóa bỏ bao cấp các hệ thống bảo đảm xã hội có, việc xây dựng hệ thống an sinh Xã hội mới cho người già đang là vấn đề cấp thiết. Trong vấn đề này, sự phối hợp giữa các tổ chức chính thức (nhà nước, hợp tác xã) với cộng đồng nông thôn truyền thống (làng, họ, gia đình) là một định hướng có triển vọng.

- Lớp người già ở nông thôn đang có sự chuyển đổi khá nhanh về mọi mặt định hướng giá trị do tác động của các biến đổi kinh tế - xã hội chung. Quan hệ của người già với gia đình, với cộng đồng cũng đang có những bước chuyển theo xu hướng đô thị hóa và sản xuất hàng hóa. Do vậy, hướng tiếp cận đối với việc nghiên cứu hệ thống bảo đảm xã hội cho người già ở nông thôn cần sao cho vừa *phát huy được vai trò của người già, thể hiện sự chăm sóc chu đáo của xã hội đối với lớp người đã có nhiều cống hiến cho đất nước, vừa phát huy được tính năng động của các nhóm tuổi khi trong quá trình chuyển sang sản xuất hàng hóa.*

2. *Cuộc điều tra đã thu được những thông tin khá phong phú* song chủ yếu còn ở dạng sơ cấp còn khá nhiều vấn đề đòi hỏi phải có sự lý giải bằng số liệu sâu hơn. Vì vậy trên cơ sở những thông tin cơ bản này, cần đầu tư nhiều hơn vào các phương pháp chuyên sâu nhằm phát hiện chính xác các mối quan hệ và định hướng giải quyết các vấn đề chính sách xã hội cụ thể.